

Bản án số: 10/2024/KDTM-PT
Ngày 24 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và bà Hoàng Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Chê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2024/TLPT-KDTM ngày 05/9/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2024/QĐ-PT ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị Thanh N - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch huyện B - Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh Q; địa chỉ: đường H, Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (theo Quyết định uỷ quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D4; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: ông Phan Quốc Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; ông Đ vắng mặt nhưng trước đây đã có Đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn D1, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; bà L có mặt, ông D1 vắng mặt nhưng trước đây đã có Đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên toà.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 02/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị L kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là S1) - Chi nhánh Q - Phòng G đã ký kết với Công ty TNHH D4 (viết tắt là Công ty D4) Hợp đồng tín dụng số: 202126196378 ngày 15/7/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01- 202126196378 ngày 15/7/2022; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 02 - 202126196378 ngày 02/8/2022, với hạn mức tín dụng là 3.200.000.000 đồng; mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh và giải ngân cụ thể như sau: ngày 26/4/2023, giải ngân 02 lần: theo Giấy nhận nợ số LD2311600115, số tiền 900.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số LD2311600321, số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng; ngày 27/4/2023, giải ngân 02 lần: theo Giấy nhận nợ số LD2311700336, số tiền 900.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số LD2311700388, số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng. Phân kỳ trả nợ: lãi trả ngày 25 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; lãi suất cho vay 03 tháng đầu 10,8%/năm. Kể từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại website www.S1.com điểm điều chỉnh biên độ 1,2%/năm, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Ngày 26/10/2023: lãi suất cơ sở là 9,1%/năm; lãi suất cho vay từ ngày 26/10/2023 đến khi khởi kiện là 10,3%/năm. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty D4, ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L đã thế chấp các tài sản, gồm:

- Thửa đất số: 377, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số phát hành: CV 273219, số vào sổ cấp GCN: CH05846 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế tài sản số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021. Tài sản bảo đảm tại thời điểm vay vốn trị giá là 1.500.000.000 đồng.

- Thửa đất số: 378, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số phát hành: CV 273219, số vào sổ cấp GCN: CH05847 do UBND huyện B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021. Tài sản đảm bảo tại thời điểm vay vốn có trị giá là 1.500.000.000 đồng.

- Thửa đất số: 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số phát hành: DE 742199, số vào sổ cấp GCN: CS04302 do Sở T (viết tắt là TNMT) tỉnh Quảng Bình cấp ngày 04/7/2022 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 211/2022 ngày 29/7/2022. Tài sản đảm bảo tại thời điểm vay vốn có trị giá là 2.000.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty D4 đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi định kỳ đến ngày 24/11/2023 với số tiền 236.873.459 đồng nhưng không thanh toán tiền gốc. S1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty D4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty D4 không chấp hành. Vì vậy, S1 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc Công ty D4 trả nợ cho S1 tính đến ngày 08/01/2024 là 3.240.746.948 đồng. Ngày 17/6/2024, Công ty D4 đã trả cho S1 số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (trong đó: Hợp đồng LD2311600321: 500.000.000 đồng và Hợp đồng LD2311600115: 900.000.000 đồng). S1 đã giải chấp 01 tài sản thế chấp là Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m²

tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình cho ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L. Ngày 18/6/2024, S1 có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, buộc Công ty D4 trả cho S1 tính đến ngày 17/6/2024 số tiền 2.050.037.102 đồng. Công ty D4 phải tiếp tục trả lãi (bao gồm lãi chậm trả, lãi quá hạn) phát sinh theo mức lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp Công ty D4 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì S1 có quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp là thửa đất số: 377 và thửa đất số 378, tờ bản đồ số 83 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình của ông Phan Văn D1, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn - Đại diện theo pháp luật ông Phan Quốc Đ trình bày: Ông thừa nhận Công ty D4 do ông Phan Văn D1 - Phó Giám đốc Công ty đại diện Công ty có ký vay tại S1 - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch huyện B các khoản tín dụng với tổng số tiền 3.200.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Để bảo đảm các khoản tín dụng trên của Công ty D4, ông D1, bà L đã thế chấp cho S1 các tài sản gồm: Thửa đất số: 377, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số phát hành: CV 273219, số vào sổ cấp GCN: CH05846 do UBND huyện B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021; Thửa đất số: 378, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số phát hành: CV 273220, số vào sổ cấp GCN: CH05847 do UBND huyện B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021; Thửa đất số: 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số phát hành: DE 742199, số vào sổ cấp GCN: CS04302 do Sở TNMT tỉnh Q cấp ngày 04/7/2022 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 211/2022 ngày 29/7/2022. Trong quá trình vay, Công ty D4 đã trả nợ cho S1 số tiền lãi tính đến ngày 24/11/2023 là 236.873.459 đồng. Tính đến ngày 08/01/2024 Công ty D4 còn nợ S1 là 3.240.746.948 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông D1 là Phó Giám đốc của Công ty D4. Ngày 15/7/2022, Công ty họp Hội đồng cử ông đại diện Công ty ký kết vay vốn tại S1 - Chi nhánh Q - Phòng G, cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số: 202126196378 ngày 15/7/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01- 202126196378 ngày 15/7/2022; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung HĐTD số 02- 202126196378 ngày 02/8/2022; hạn mức tín dụng là 3.200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh; theo các Giấy nhận nợ số LD2311600115, số tiền 900.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số LD2311600321, số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng, cùng ngày 26 tháng 4 năm 2023; Giấy nhận nợ số LD2311700336, số tiền 900.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số LD2311700388, số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng, cùng ngày 27/4/2023. Phân kỳ trả nợ: lãi trả ngày 25 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; lãi suất cho vay 03 tháng đầu 10,8%/năm. Kể từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay. Ngày 26/10/2023: lãi suất cơ sở là 9,1%/năm; lãi suất cho vay từ ngày 26/10/2023

đến nay là 10,3%/năm. Bảo đảm cho khoản vay, ông và vợ là Nguyễn Thị L đã dùng tài sản của vợ chồng thế chấp cho Ngân hàng, gồm: Thửa đất số: 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; thửa đất số: 377 và thửa đất số 378, tờ bản đồ số 83 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đều mang tên Phan Văn D1 và Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 84/2020 ngày 16/6/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty D4 chỉ trả số tiền lãi đến ngày 24/11/2023, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 13/5/2024, Công ty D4 còn nợ S1 số tiền gốc 3.200.000.000 đồng và số tiền lãi 203.904.882 đồng, vì vậy, S1 khởi kiện yêu cầu Công ty D4 trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp trả nợ cho Công ty D4 theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L cũng xác định các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Công ty D4, người đại diện là chồng bà ông Phan Văn D1 và Ngân hàng S1 số tiền 3.200.000.000 đồng cũng như các hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng với những người liên quan là đúng sự thật. Bà cùng ông D1 đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng S1 đối với quyền sử dụng các thửa đất là thửa đất số 377, 378 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và thửa đất số 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình như đã nêu trên. Quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông D1. Nay, S1 khởi kiện yêu cầu Công ty D4 trả nợ, nếu Công ty D4 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì S1 yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hiện ông Phan Văn D1 đang bị tạm giam tại Thành phố Hà Nội để điều tra một vụ án hình sự nên bà không thể tự mình quyết định, bà phụ thuộc vào quyết định của ông D1. Ngày 17/6/2024, S1 đã giải chấp thửa đất số 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại Thôn H, xã T, huyện B cho bà và bà đã trực tiếp trả nợ cho S1 số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 327, 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1.

Tuyên buộc Công ty D4 phải thanh toán cho S1 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/8/2024) là 2.085.955.785 đồng (*Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*); trong đó nợ gốc 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*) và nợ lãi 285.955.785 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) (cụ thể các Hợp đồng ngày 26/4/2023: LD2311700336, gốc 900.000.000 đồng và lãi 87.499.945 đồng; LD2311800321, gốc 200.000.000 đồng và lãi 59.288.277 đồng; LD2311700388, gốc 700.000.000 đồng và lãi 68.055.513 đồng; LD2311600115, gốc 0 đồng và lãi 71.112.050 đồng).

Trong trường hợp Công ty D4 không thanh toán được các khoản nợ, thì S1 được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế

chấp để thu hồi nợ, gồm: quyền sử dụng các thửa đất số: 377, 378 tờ bản đồ số 83 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thoả thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, lãi suất chậm trả, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/8/2024, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét giảm mức án phí cho vợ chồng bà và đề nghị S1 giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện S1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2024 trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Văn D1 được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, tuy nhiên, trước đó đại diện bị đơn và ông D1 đã có Đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên tòa, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các đương sự đều thừa nhận giữa Công ty D4 với S1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 202126196378 ngày 15/7/2021 với hạn mức tín dụng là 3.200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh, cũng như các hợp đồng thế chấp tài

sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng với những người liên quan, cụ thể bà Nguyễn Thị L cùng chồng là ông Phan Văn D1 đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho S1 đối với quyền sử dụng đất là thửa đất số 377, thửa đất số 378, tờ bản đồ số 83 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và thửa đất số 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty D4 đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi định kỳ đến ngày 24/11/2023 với số tiền 236.873.459 đồng nhưng không thanh toán tiền gốc cho S1. S1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty D4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty D4 không chấp hành, tính đến ngày 08/01/2024 số nợ là 3.240.746.948 đồng. Sau khi khởi kiện, ngày 17/6/2024, Công ty D4 đã trả cho S1 số tiền gốc 1.400.000.000 đồng. S1 đã giải chấp 01 tài sản thế chấp là Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m² tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L. Tính đến ngày 17/6/2024, Công ty D4 còn nợ S1 số tiền 2.050.037.102 đồng. Công ty D4 phải tiếp tục trả tiền nợ gốc và nợ lãi (bao gồm lãi chậm trả, lãi quá hạn) phát sinh theo mức lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án giảm tiền án phí và yêu cầu S1 có chính sách miễn, giảm tiền lãi để phía vợ chồng bà có điều kiện trả vốn gốc vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại các nội dung này, các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[2.2]. Bị đơn - Công ty D4 và S1 đã tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng, không bị ai ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên các bên có nghĩa vụ tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng bổ sung, hai bên đã thỏa thuận: S1 cho Công ty D4 vay số tiền 3.200.000.000 đồng (đã giải ngân số tiền trên thông qua các giấy nhận nợ). Sau khi nhận tiền vay, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn - S1. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn như thỏa thuận đã ký kết. Tính đến ngày 02/8/2024 số nợ của Công ty D4 đối với S1 là 2.085.955.785 đồng; trong đó nợ gốc 1.800.000.000 đồng và nợ lãi 285.955.785 đồng, do đó, Công ty D4 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ cho S1 là phù hợp với thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cũng như quy định tại các Điều 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của S1 là phù hợp. Mặt khác, giữa S1 và bị đơn không có thỏa thuận về việc miễn, giảm tiền lãi và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện S1 cũng không đồng ý miễn, giảm tiền lãi cho bị đơn. Việc thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho S1 là nghĩa vụ của Công ty D4, ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L là người thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay, không có nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu miễn, giảm tiền lãi cho bị đơn của bà Nguyễn Thị L là không phù hợp. Về nội dung kháng cáo xin giảm tiền án phí của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng, bản án sơ thẩm đã xét xử và buộc bị đơn - Công ty D4 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, án sơ thẩm không buộc ông D1, bà L chịu án phí; Công ty D4 cũng không uỷ quyền cho bà L kháng cáo xin giảm án phí, do đó, kháng cáo của

bà L xin giảm án phí cũng không phù hợp. Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM - ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 327, 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với Công ty TNHH D4 268.

Tuyên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D4 268 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/8/2024) là 2.085.955.785 đồng (*Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*); trong đó nợ gốc 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*) và nợ lãi tính đến ngày 02/8/2024 là 285.955.785 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*), cụ thể: theo các Hợp đồng ngày 26/4/2023: LD2311700336, gốc 900.000.000 đồng và lãi 87.499.945 đồng; LD2311800321, gốc 200.000.000 đồng và lãi 59.288.277 đồng; LD2311700388, gốc 700.000.000 đồng và lãi 68.055.513 đồng; LD2311600115, gốc 0 đồng và lãi 71.112.050 đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH D4 268 không thanh toán được các khoản nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số: 377, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CV 273219, sổ vào sổ cấp GCN: CH05846 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021; Quyền sử dụng đất thửa đất số: 378, tờ bản đồ số 83, diện tích 300m² tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CV 273220, sổ vào sổ cấp GCN: CH05847 do UBND huyện

B cấp ngày 28/02/2020 mang tên ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 84/2020 ngày 16/6/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01-84/2020 ngày 15/7/2021.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/8/2024 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 202126196378 ngày 15/7/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01- 202126196378 ngày 15/7/2022; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 02 - 202126196378 ngày 02/8/2022; Giấy nhận nợ số LD2311600115 ngày 26/4/2023; Giấy nhận nợ số LD2311600321 ngày 26/4/2023; Giấy nhận nợ số LD2311700336 và Giấy nhận nợ số LD2311700388 ngày 26/4/2023, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0002676 ngày 12/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

